

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
*Cho Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH**

# MỤC LỤC

— oOo —

---

	<i>Trang</i>
1- Bảng Cân Đối Kế Toán	1 - 4
2- Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	5
3- Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	6 - 7
4- Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính	8 - 23

---

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> ( 100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>75,283,340,009</b>	<b>86,163,201,323</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>70,637,673,204</b>	<b>63,862,391,455</b>
1. Tiền	111		2,659,673,204	20,779,010,355
2. Các khoản tương đương tiền	112		67,978,000,000	43,083,381,100
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4,639,708,068</b>	<b>21,746,759,197</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		3,317,550,006	14,414,084,602
2. Trả trước cho người bán	132		103,106,520	1,525,242,893
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136		1,437,889,269	6,026,269,429
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(251,869,246)	(251,869,246)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		33,031,519	33,031,519
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5,958,737</b>	<b>554,050,671</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	548,091,934
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		5,958,737	5,958,737
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>224,244,054,880</b>	<b>227,430,722,492</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3,990,125,902</b>	<b>5,275,711,902</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		3,990,125,902	5,275,711,902
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19,365,510,306</b>	<b>20,786,258,417</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		6,075,169,446	7,495,917,557
- Nguyên giá	222		10,041,604,768	13,050,086,563
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3,966,435,322)	(5,554,169,006)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		13,290,340,860	13,290,340,860
- Nguyên giá	228		13,290,340,860	13,290,340,860
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>67,204,267,632</b>	<b>67,736,283,633</b>
- Nguyên giá	231		75,781,699,978	75,781,699,978
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8,577,432,346)	(8,045,416,345)
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>133,632,468,540</b>	<b>133,632,468,540</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		130,312,000,000	130,312,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8,080,800,000	8,080,800,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4,760,331,460)	(4,760,331,460)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>51,682,500</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		51,682,500	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>299,527,394,889</b>	<b>313,593,923,815</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>9,585,723,898</b>	<b>29,078,305,560</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8,501,952,898</b>	<b>27,994,534,560</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	312		117,255,909	11,270,866,675
2. Người mua trả tiền trước	313		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		767,206,678	8,541,435,542
4. Phải trả người lao động	315		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319		-	699,293,216
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	320		3,953,097,588	3,818,546,404
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn				
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3,664,392,723	3,664,392,723
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1,083,771,000</b>	<b>1,083,771,000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Chi phí phải trả dài hạn	332		-	-
3. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	333			
4. Phải trả nội bộ dài hạn	334			
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	335		-	-
6. Phải trả dài hạn khác	336		1,083,771,000	1,083,771,000
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	337		-	-
8. Trái phiếu chuyển đổi	338			
9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	339		-	-
10. Dự phòng phải trả dài hạn	340		-	-
11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	341		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

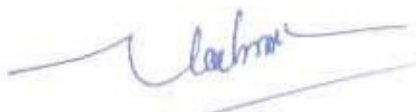
Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>289,941,670,991</b>	<b>284,515,618,255</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>289,941,670,991</b>	<b>284,515,618,255</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		138,013,850,000	138,013,850,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,572,620,000	2,572,620,000
3. Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2,206,190,840)	(2,206,190,840)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17,682,346,542	17,682,346,542
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		133,879,045,289	128,452,992,553
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		128,452,992,553	128,452,992,553
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5,426,052,736	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>299,527,394,889</b>	<b>313,593,923,815</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRỊNH THỊ THANH NHÀN

ĐINH THỊ HỒNG VÂN

TP.HCM, ngày 27 tháng 04 năm 2015



Tổng Giám Đốc

YUNG CAM MENG



CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THẠNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2015	Quý I/2014	Lũy kế 2015	Lũy kế 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.723.096,928	49.019,832,071	4.723.096,928	49.019,832,071
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.000,000	326,950,909	1.000,000	326,950,909
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.722,096,928	48,692,881,162	4.722,096,928	48,692,881,162
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.420,415,752	26.801,052,048	1.420,415,752	26,801,052,048
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.301,681,176	21,891,829,114	3.301,681,176	21,891,829,114
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.809,460,264	824,451,540	4.809,460,264	824,451,540
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	33,814	17,690	33,814	17,690
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>						
8. Chi phí bán hàng	24	V.6	24,075,268	9,369,512,299	24,075,268	9,369,512,299
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.7	2,424,213,828	7,101,753,768	2,424,213,828	7,101,753,768
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		5,662,818,530	6,244,996,897	5,662,818,530	6,244,996,897
11. Thu nhập khác	31	V.8	1,495,490,227	7,493	1,495,490,227	7,493
12. Chi phí khác	32	V.9	1,342,147,301	13,868,337	1,342,147,301	13,868,337
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		153,342,926	(13,860,844)	153,342,926	(13,860,844)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5,816,161,456	6,231,136,053	5,816,161,456	6,231,136,053
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		390,108,720	1,370,849,932	390,108,720	1,370,849,932
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5,426,052,736	4,860,286,121	5,426,052,736	4,860,286,121
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập biểu

*[Signature]*

Kế Toán Trưởng

*[Signature]*

Đinh Thị Hồng Vân



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	<u>Đến 31/03/2015</u>	<u>Đến 31/03/2014</u>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	5,816,161,456	6,231,136,053
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản :</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	789,765,387	1,809,486,515
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	17,690
- Lãi (-), lỗ (+) từ hoạt động đầu tư	05	(5,056,294,892)	(771,297,798)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản khác			
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn</b>			
<b>3. Lưu động</b>	08	1,549,631,951	7,269,342,460
- Tăng (-), giảm (-) các khoản phải thu	09	18,992,637,129	(2,301,507,561)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	-	(8,192,208,931)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(14,163,185,786)	(4,427,094,357)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	496,409,434	183,985,800
- Tăng (-), giảm (-) chi phí kinh doanh	13		
- Tiền Lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5,719,504,596)	(5,690,371,035)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	3,195,769,000
- Tiền Chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(4,720,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	20	1,155,988,132	(14,682,084,624)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(1,007,617,996)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	895,454,545	-
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	4,723,839,072	771,297,798
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	30	5,619,293,617	(236,320,198)



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	<u>Đến 31/03/2015</u>	<u>Đến 31/03/2014</u>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Trong đó tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	33a	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
Trong đó tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	34a	-	-
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>6,775,281,749</b>	<b>(14,918,404,822)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>63,862,391,455</b>	<b>72,963,128,179</b>
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(17,690)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>70,637,673,204</b>	<b>58,044,705,667</b>

TP.HCM, ngày 27 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc




TRỊNH THỊ THANH NHÂN

ĐINH THỊ HỒNG VÂN



YUNG CAM MENG

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I Năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, máy vi tính, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, máy chụp ảnh, máy quay phim, linh kiện phụ tùng; văn phòng phẩm, thiết bị điện, vật liệu điện, hàng kim khí điện máy, điện tử gia dụng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị văn phòng, máy fax, máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế; Cho thuê thiết bị văn phòng; Mua bán, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị chữa cháy; Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở).
- Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 Công ty có 08 nhân viên đang làm việc.
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**  
Ngày 29 tháng 10 năm 2014, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh (công ty con) và chuyển phần lớn hoạt động kinh doanh sang công ty này.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư 200/2014/TT/BTC của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. **Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. **Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 04
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04

#### 6. Tài sản thuê hoạt động

##### *Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

##### *Công ty là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	46
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

#### 8. Tài sản cố định vô hình

##### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

#### 9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 10. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

#### 11. Nguồn vốn kinh doanh

##### Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

#### 12. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### 13. **Trích lập các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm	Không có mức trích lập tối đa
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm	Không có mức trích lập tối đa

#### 14. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.405 VND/USD  
31/03/2015 : 21.590 VND/USD

#### 16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.I.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý I	Số đầu năm
Tiền mặt	41.574.235	192.207.752
Tiền gửi ngân hàng	2.618.098.969	20.586.802.603
Các khoản tương đương tiền (*)	67.978.000.000	43.083.381.100
<b>Cộng</b>	<b>70.637.673.204</b>	<b>63.862.391.455</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

### 2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.**

**+ Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối Quý I/2015			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự Phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự Phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh <sup>(a)</sup>	28.520.000.000	-	28.520.000.000	28.520.000.000	-	28.520.000.000
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh <sup>(b)</sup>	22.592.000.000	(4.760.331.460)	17.831.668.540	22.592.000.000	(4.760.331.460)	17.831.668.540
Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh <sup>(c)</sup>	79.200.000.000	-	79.200.000.000	79.200.000.000	-	79.200.000.000
<b>Tổng Cộng</b>	<b>130.312.000.000</b>	<b>(4.760.331.460)</b>	<b>125.551.668.540</b>	<b>130.312.000.000</b>	<b>(4.760.331.460)</b>	<b>125.551.668.540</b>

<sup>(a)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010901 ngày 24 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh là 28.520.000.000 VND, tương đương 55,06% vốn điều lệ.

<sup>(b)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305273107 ngày 24 tháng 10 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh là 22.592.000.000 VND, tương đương 58,23% vốn điều lệ.

<sup>(c)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312992783 ngày 29 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh là 79.200.000.00 VND, tương đương 90,00% vốn điều lệ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH**

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****+ Đầu tư vào đơn vị khác**

	Số cuối Quý I/2015			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự Phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự Phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Điện Cơ	3.580.800.000	-	3.580.800.000	3.580.800.000	-	3.580.800.000
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh điện lực	4.500.000.000	-	4.500.000.000	4.500.000.000	-	4.500.000.000
<b>Tổng Cộng</b>	<b>8.080.800.000</b>	<b>-</b>	<b>8.080.800.000</b>	<b>8.080.800.000</b>	<b>-</b>	<b>8.080.800.000</b>

**3. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối quý I	Số đầu năm
Các khách hàng của Trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh	1.431.889.130	5.278.568.567
Các khách hàng của Chi nhánh tại TP. Hà Nội	511.176.421	2.449.641.454
Các khách hàng của Chi nhánh tại TP. Đà Nẵng	-	690.590.216
Các khách hàng của Chi nhánh tại TP. Vũng Tàu	269.389.901	1.298.535.806
Các khách hàng của Chi nhánh tại tỉnh Đồng Nai	18.929.240	962.268.857
Các khách hàng của Chi nhánh tại tỉnh Bình Dương	663.740.626	1.041.157.010
Các khách hàng của Chi nhánh tại TP. Cần Thơ	309.785.200	1.261.255.390
Các khách hàng của Chi nhánh tại tỉnh Long An	-	312.685.831
Các khách hàng của Chi nhánh Tây Hà Nội	112.639.488	976.272.743
Các khách hàng của Chi nhánh tại tỉnh An Giang	-	143.108.728
<b>Cộng</b>	<b>3.317.550.006</b>	<b>14.414.084.602</b>

**4. Các khoản phải thu khác**• **Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Số cuối quý I	Số đầu năm
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh – tiền cho vay	-	4.100.000.000
Tạm ứng	725.000.000	1.588.990.955
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	712.889.269	316.053.422
Các khoản phải thu khác	-	21.225.052
<b>Cộng</b>	<b>1.437.889.269</b>	<b>6.026.269.429</b>

• **Các khoản phải thu dài hạn**

	Số cuối quý I	Số đầu năm
Cho nhân viên mượn tiền không thu lãi.	3.368.000.902	4.102.986.902
Ký quỹ tiền thuê nhà	622.125.000	1.172.725.000
<b>Cộng</b>	<b>3.990.125.902</b>	<b>5.275.711.902</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH**

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	29.745.119	29.745.119
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	147.319.834	147.319.834
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	74.804.293	74.804.293
<b>Cộng</b>	<b><u>251.869.246</u></b>	<b><u>251.869.246</u></b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	251.869.246
Hoàn nhập dự phòng	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>251.869.246</u></b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	9.033.986.773		4.016.099.790	13.050.086.563
Mua sắm mới	-		-	-
Thanh lý, nhượng bán	-		3.008.481.794	3.008.481.794
<b>Số cuối quý I</b>	<b><u>9.033.986.773</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.007.617.996</u></b>	<b><u>10.041.604.768</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	3.596.822.938	-	1.957.346.068	5.554.169.006
Khấu hao trong kỳ	75.724.386		182.025.000	257.749.386
Thanh lý, nhượng bán			1.845.483.068	1.845.483.068
<b>Số cuối quý I</b>	<b><u>3.672.547.324</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>293.888.000</u></b>	<b><u>3.966.435.322</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	5.437.163.835	-	2.058.753.722	7.495.917.557
<b>Số cuối quý I</b>	<b><u>5.361.439.449</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>713.729.995</u></b>	<b><u>6.075.169.446</u></b>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

**7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	49.461.000.000	26.320.699.978	75.781.699.978
<b>Số cuối quý I</b>	<b><u>49.461.000.000</u></b>	<b><u>26.320.699.978</u></b>	<b><u>75.781.699.978</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH**

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà</u>	<u>Cộng</u>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	3.225.708.000	4.819.708.345	8.045.416.345
Khấu hao trong kỳ	268.809.000	263.207.001	532.016.001
<b>Số cuối quý I</b>	<b>3.494.517.000</b>	<b>5.082.915.346</b>	<b>8.577.432.346</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	46.235.292.000	21.500.991.633	67.736.283.633
<b>Số cuối quý I</b>	<b>45.966.483.000</b>	<b>21.237.784.632</b>	<b>67.204.267.632</b>

**8. Chi phí trả trước****Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí thuê nhà, văn phòng	-	548.091.934
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>548.091.934</b>

**Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa nhà, văn phòng	51.682.5000	-
<b>Cộng</b>	<b>51.682.500</b>	<b>-</b>

**9. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh	117.255.909	11.264.426.835
Các nhà cung cấp khác	-	6.439.840
<b>Cộng</b>	<b>117.255.909</b>	<b>11.270.866.675</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối quý I</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.639.076.586	431.498.519	(2.868.016.783)	202.558.322
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.719.504.596	390.108.720	(5.719.504.596)	390.108.720
Thuế thu nhập cá nhân	182.854.360	60.993.684	(69.308.408)	174.539.636
Các loại thuế khác	-	12.000.000	(12.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>8.541.435.542</b>	<b>894.600.923</b>	<b>8.668.829.787</b>	<b>767.206.678</b>

<sup>(\*)</sup> Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa cuối quý và đầu năm là 5.958.737 VND được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng trong khu chế xuất	0%
--	----

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng ngoài khu ngoài chế xuất trong nước 10%

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý được dự tính như sau:

	<u>Quý I /2015</u>	<u>Quý I /2014</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.816.161.454	6.231.136.053
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(4.042.940.000)</u>	<u>-</u>
Thu nhập chịu thuế	1.773.221.456	6.231.136.053
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>390.108.720</b>	<b>1.370.849.932</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b><u>390.108.720</u></b>	<b><u>1.370.849.932</u></b>

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### **11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.052.324	-
Cổ tức phải trả	21.435.775	21.435.775
Nhận ký quỹ, ký cược	1.233.292.193	1.930.597.775
Các khoản phải trả khác	2.697.317.296	1.866.512.854
<b>Cộng</b>	<b><u>3.953.097.588</u></b>	<b><u>3.818.546.404</u></b>

#### **12. Phải trả dài hạn khác**

Nhận ký quỹ tiền cho thuê quyền sử dụng một phần lô đất tại quận 8, TP. Hồ chí Minh của Công ty TNHH nhà hàng Vọng Các.

#### **13. Doanh thu chưa thực hiện**

Tiền cho thuê mặt bằng nhận trước

#### **14. Vốn chủ sở hữu**

##### **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm [trang 23](#).

#### **Cổ phiếu**

Số cuối quý I

Số đầu năm

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH**

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	13.801.385	13.801.385
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.801.385	13.801.385
- Cổ phiếu phổ thông	13.801.385	13.801.385
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	61.000	61.000
- Cổ phiếu phổ thông	61.000	61.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.740.385	13.740.385
- Cổ phiếu phổ thông	13.740.385	13.740.385
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm là doanh thu của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp.

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
Chiết khấu thương mại	-	289.090.909
Giảm giá hàng bán	1.000.000	-
Hàng bán bị trả lại	-	37.860.000
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000</b>	<b>326.950.909</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ là giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	18.608.937	53.140.531
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	680.899.072	771.297.789
Lãi cho vay	60.111.106	-
Lãi bán hàng trả chậm	6.759.300	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.042.940.000	-
Lãi khác	141.849	13.220
<b>Cộng</b>	<b>4.809.460.264</b>	<b>824.451.540</b>

**5. Chi phí tài chính**

	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
Các chi phí tài chính khác	33.814	17.690
<b>Cộng</b>	<b>33.814</b>	<b>17.690</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý I /2015</u>	<u>Quý I /2014</u>
Chi phí cho nhân viên	-	8.967.478.429
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	5.478.091
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.195.220	226.142.678
Chi phí khác	10.880.048	170.413.101
<b>Cộng</b>	<b><u>24.075.268</u></b>	<b><u>9.369.512.299</u></b>

#### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý I /2015</u>	<u>Quý I /2014</u>
Chi phí cho nhân viên	492.978.990	3.606.493.942
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	174.923.325
Chi phí khấu hao tài sản cố định	257.749.386	504.393.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.450.022.617	1.979.630.540
Chi phí khác	223.462.835	836.312.946
<b>Cộng</b>	<b><u>2.424.213.828</u></b>	<b><u>7.101.753.768</u></b>

#### 8. Thu nhập khác

	<u>Quý I /2015</u>	<u>Quý I /2014</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.495.454.545	-
Thu nhập khác	35.682	7.493
<b>Cộng</b>	<b><u>1.495.490.227</u></b>	<b><u>7.493</u></b>

#### 9. Chi phí khác

	<u>Quý I /2015</u>	<u>Quý I /2014</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.162.998.725	-
Chi phí khác	179.148.576	13.868.337
<b>Cộng</b>	<b><u>1.342.147.301</u></b>	<b><u>13.868.337</u></b>

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý I /2015</u>	<u>Quý I /2014</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	888.399.751	26.801.052.048
Chi phí nhân công	492.978.990	12.573.972.371
Chi phí khấu hao tài sản cố định	789.765.387	504.393.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.463.217.837	2.205.773.218
Chi phí khác	234.342.883	1.006.726.047
<b>Cộng</b>	<b><u>3.868.704.848</u></b>	<b><u>43.272.318.115</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Điều chỉnh lại số đầu năm trên bảng cân đối kế toán theo thông tư 200/2014/TT/BTC



## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

SIT	Tên khoản mục	Mã số	Số đầu năm trước khi điều chỉnh	Số điều chỉnh	Số đầu năm sau khi điều chỉnh
1	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	4.121.225.052	1.905.044.377	6.026.269.429
2	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	33.031.519	33.031.519
3	Tài sản ngắn hạn khác	155	1.938.075.896	(1.938.075.896)	-
4	Phải thu dài hạn khác	216	4.102.986.902	1.172.725.000	5.275.711.902
5	Tài sản dài hạn khác	268	1.172.725.000	(1.172.725.000)	-
6	Quỹ đầu tư phát triển	418	3.880.961.542	13.801.385.000	17.682.346.542
					-

## 2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	Công ty con
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	Công ty con
Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lấy kể đến 31/03/2015
<i>Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh</i>	
Bán hàng hóa và dịch vụ	
Mua hàng hóa và dịch vụ	
Mua tài sản	-
Cho vay, mượn tiền	-
Nhận cổ tức	2.852.000.000
Lãi cho vay	34.666.661
<i>Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh</i>	
Mua hàng hóa	
Mua tài sản	-
Bán hàng hóa và dịch vụ	977.323.635
Cho vay, mượn tiền	
Lãi cho vay	25.444.445
<i>Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh</i>	
Mua hàng hóa và dịch vụ	888.400.151
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.288.090.908

Tại ngày 31/03/2015, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm
<i>Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh</i>	
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	358.000.000
Phải thu tiền cho vay	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>358.000.000</b>
<i>Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh</i>	
Phải trả tiền thuê máy	110.973.149
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>110.973.149</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### *Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh*

Phải thu tiền cho thuê nhà

242.000.000

**Cộng nợ phải thu**

**242.000.000**

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.


TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2015



Trịnh Thị Thanh Nhân  
Người lập biểu



Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng



Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc

Phụ lục 1

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2014	125,525,230,000	2,572,620,000	(2,206,190,840)	-	3,880,961,542	12,552,523,000	115,765,463,583	258,090,607,285
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	52,656,918,970	52,656,918,970
Chia cổ tức (CP)	12,488,620,000	-	-	-	-	-	(12,488,620,000)	-
Trích lập các Quỹ	-	-	-	-	-	1,248,862,000	(1,248,862,000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(26,231,908,000)	(26,231,908,000)
Trích lập Quỹ KT, PL	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khấu	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	138,013,850,000	2,572,620,000	(2,206,190,840)	-	3,880,961,542	13,801,385,000	128,452,992,553	284,515,618,255
Số dư tại 01/01/2015	138,013,850,000	2,572,620,000	(2,206,190,840)	-	17,682,346,542	-	128,452,992,553	284,515,618,255
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	5,426,052,736	5,426,052,736
Tăng khấu	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức (CP)	-	-	-	-	-	-	-	-
Chuyển đổi các Quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2015	138,013,850,000	2,572,620,000	(2,206,190,840)	-	17,682,346,542	-	133,879,045,289	289,941,670,991